

Bản án số: 37/2022/HSST

Ngày: 15 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo;
2. Bà Khru Thị Ngọc Bích;

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 174/2021/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần văn T; sinh ngày: 13/12/2006, tại: thành phố H; trú tại: Chưa đăng ký thường trú; chỗ ở: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thạch Văn C và bà Trần Thị Bé L T, sinh năm 1989; vợ, con: Chưa có; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, TP. H và có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: bà Thạch Thị M, sinh năm 1964 ;trú tại: 40/1 đường M G X, phường B H H A, quận B, TP. H (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Chung Ngọc T –Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước TP. H (Có mặt).

- Người Bị hại: chị Lê Tâm N, sinh năm: 1999; trú tại: 352/9 đường G D, phường T Q, quận T, TP. H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 29/6/2021, Trần văn T điều khiển xe gắn máy dạng Wave biển số XXN5-06XX đi trên đường K N Đ thì gặp Nguyễn Minh T (chưa rõ lai lịch). T rủ T cùng đi cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. T và T thống nhất T điều khiển xe, còn T ngồi phía sau trực tiếp cướp giật. T điều khiển xe chở T đi qua nhiều tuyến đường trên địa bàn quận T tìm kiếm tài sản để cướp giật.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến giao lộ G D và D V D, T phát hiện chị Lê Tâm N đang ngồi trên xe gắn máy dừng sát lề bên hông nhà số 251 G D, phường T Q, quận T. Lúc này trên tay chị N đang cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu hồng để sử dụng nên T chỉ cho T thấy và nói T cướp giật điện thoại của chị N. T điều khiển xe quay đầu lại, từ phía sau chạy lên hướng cùng chiều với chị N, áp sát phía bên trái chị N rồi T chồm người sang phải dùng tay phải để cướp giật điện thoại của chị N. Lúc này, T dùng tay phải nắm trúng nửa phía trên chiếc điện thoại nhưng do chị N cầm chắc điện thoại bằng hai tay kéo giật lại làm cho T, T mất thăng bằng ngã xe xuống đường. Sau đó, T và T đứng dậy bỏ xe lại chạy bộ để tẩu thoát. Nghe chị N truy hô và chứng kiến sự việc nên anh Hùng Hồng D và anh Nguyễn Văn G là bảo vệ dân phố đang đi tuần tra đã cùng một số người dân đuổi theo bắt giữ được T tại trước nhà số 102 D V D, phường T Q, quận T rồi giao cho Công an phường T Q, quận T để xử lý. Riêng đối tượng Nguyễn Minh T bỏ chạy thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1427/KL-HĐĐGTS ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND quận T thời điểm định giá ngày 29/6/2021, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 32GB, màu hồng, số Imei 355736077946507 trị giá 2.700.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 32GB, màu hồng, số Imei 355736077946507 là tài sản T cướp giật của chị Lê Tâm N.

- 01 xe gắn máy dạng Wave, biển số XXN5-06XX, số máy: VHLFM152FMH-V344523, số khung: RMNWCHSMN7H004523.

Tại bản Cáo trạng số 181/CT-VKSQ.TP ngày 25 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Trần văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều khoản mà cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần văn T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phân trách nhiệm dân sự và vật chứng.

- Bị cáo Trần văn T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:* thống nhất về tội danh và điều luật mà viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh của bị cáo đang gặp khó khăn, cha mẹ bị cáo bỏ đi hiện tại bị cáo sống với bà nội nên thiếu đi sự giáo dục. Mặt khác, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/6/2021, tại bên hông nhà số 251 đường G D, phường T Q, quận T, đối tượng tên Nguyễn Minh T điều khiển xe gắn máy chở Trần văn T giật chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S của chị Lê Tâm N Nng do chị N dùng hai tay kéo giật lại làm cho xe gắn máy mất thăng bằng té ngã xuống đường. Nghe tiếng tri hô của chị N nên quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ được T giao công an xử lý, riêng đối tượng tên T bỏ chạy thoát.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần văn T phạm tội “Cướp giật tài sản” như bản Cáo trạng đã truy tố. Do bị cáo cùng đối tượng T sử dụng xe gắn máy công khai, nhanh chóng chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của bị hại, qua định giá có trị giá 2.700.000 đồng là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, ngay trên đường phố có đông người qua lại, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội chưa gây thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo qui định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên xem xét chính sách xử lý người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại các Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 điện thoại di động Iphone 6S, đã thu hồi trả cho bị hại, chị N không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 32GB, màu hồng, số Imei 355736077946507, đã trả cho chị N nên Hội đồng xét xử không xử lý.

- Đối với 01 xe gắn máy dạng Wave, biển số XXN5-06XX, số máy: VHLFM152FMH-V344523, số khung: RMNWCHSMN7H004523. Theo kết luận giám định số 4607/KLGD-X(Đ4) ngày 01/9/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận số khung, số máy không thay đổi. Trần văn T khai mua xe của một người đàn ông tên Đ không rõ lai lịch với giá 1.500.000 đồng. Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Phan Văn S thường trú đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại phường B H H A, quận B thì ông S đã chết vào ngày 07/3/2019. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng hợp pháp chiếc xe gắn máy nói trên, giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận T thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng hợp pháp trong hạn 06 tháng, quá hạn mà không tìm được thì nộp ngân sách nhà nước.

Đối với đối tượng Nguyễn Minh T do chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên chưa có cơ sở xử lý, khi nào điều tra làm rõ được sẽ xử lý sau.

[7] Án phí: Bị cáo Trần văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Tuyên bố: bị cáo Trần văn T phạm tội: "*Cướp giật tài sản*".

[3] Xử phạt: bị cáo Trần văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận T thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong hạn 06 tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp 01 (một) chiếc xe gắn máy dạng Wave, biển số XXN5-06XX, số máy: VHLFM152FMH-V344523, số khung: RMNWCHSMN7H004523. Quá hạn 06 tháng mà không tìm được thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

(Vật chứng hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 158/PNK ngày 08/11/2021 của Công an quận T).

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP.H;
- VKS Quận T;
- THA quận T;
- Công an Quận T;
- Công an TP.H;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng
- TAND TP.Hồ Chí Minh
- VKS Q.Tân Phú.
- THA quận T.
- Công an Q.Tân Phú
- Công an TP.Hồ Chí Minh
- Sở Tư pháp TP.HCM
- Lưu hồ sơ

Lê Viết Hoàng Lâm

